| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LÂM HÀ**<br>**TỈNH LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 49/2019/DS-ST
Ngày 07/10/2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂNHUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Luân

Bà Laị Thị Thu Hà

***- Thư ký phiên tòa:***Bà Nguyễn Thị Phương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm hà, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số108/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số53/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*:Vợ chồng ông Nhữ Quốc T, sinh năm: 1964. Bà Hoàng Thị M, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: 515 Hùng V, TDP V, thị trấn Đ, huyện Lâm Hà.

Bà M ủy quyền cho ông T. Theo văn bản ủy quyền lập ngày 08/7/2019.

*Bị đơn:*Vợ chồng ông Đinh Văn T, sinh năm: 1976. Bà Ngà Thị Thanh T, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Lâm Hà.
Ông T ủy quyền cho bà Th. Theo văn bản ủy quyền lập ngày 09/7/2019.
*(Tại phiên tòa: Ông Nhữ Quốc T có mặt, bà Ngà Thị Thanh T có đơn xin vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/6/2019 và đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 08/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Nhữ Quốc T trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nhiều năm nên vợ chồng ông T bà M có nhận chốt cà phê nhân Robusta khô của vợ chồng bà Ngà Thị Thanh T ông Đinh Văn T 03 lần với tổng số tiền 138.000.000đ tương ứng 4000kg cà phê nhân Robusta khô, cụ thể như sau:

Lần 1: Sáng ngày 21/12/2018 tại nhà của vợ chồng T – M, bà Th đến chốt 2000kg cà phê nhân khô Robusta với giá 31.800đ/kg, thành tiền 63.600.000đ, bà Th đã ký nhận tiền 63.600.000đ và hẹn 15 ngày sau sẽ giao cà phê cho vợ chồng T – M.

Lần 2: Chiều ngày 21/12/2018 bà Th đến chốt 1000kg cà phê nhân khô Robusta với giá 31.800đ/kg, thành tiền 31.800.000đ, bà Th đã ký nhận tiền 31.800.000đ.

Lần 3: Ngày 25/12/2018 bà Th đến chốt 1000kg cà phê nhân khô Robusta với giá 31.500đ/kg, thành tiền 31.500.000đ, bà Th đã ký nhận tiền 31.500.000đ

Hẹn trả cà phê vào ngày 05/01/2019 nhưng đến ngày hẹn vợ chồng T – M đến gặp vợ chồng Th – T để nhận cà phê như thỏa thuận nhưng vợ chồng Th – T không có cà phê để giao cho vợ chồng T – M. Đến ngày 28/01/2019 vợ chồng T – M tiếp tục sang nhà vợ chồng Th – T để đòi nợ cà phê nhưng vợ chồng Th – T không có cà phê để trả và vợ chồng Th – T đã viết giấy nhận nợ vay số tiền 138.000.000đ và hẹn tiếp đến ngày 25/02/2019 âm lịch, tức ngày 30/3/2019 sẽ trả nợ cho vợ chồng T – M và đồng ý tính lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn không quá 03 tháng, tuy nhiên vẫn không trả nợ. Số nợ trên tính đến ngày 01/6/2019 là 05 tháng 10 ngày theo lãi suất 1.5%/tháng (138.000.000đ x 1.5% x 5 tháng 10 ngày) + 138.000.000đ = 149.040.000đ. Ngày 03/6/2019 vợ chồng T – M khởi kiện yêu cầu vợ chồng Th – T trả cho vợ chồng T – M 149.040.000đ, sau khi vợ chồng T – M nộp đơn khởi kiện thì ngày 10/6/2019 vợ chồng Th – T đã trả cho vợ chồng T – M 30.000.000đ, số tiền còn lại hẹn ngày 28/5/2019 âm lịch, tức ngày 30/6/2019 trả đủ, tuy nhiên đến hẹn vẫn không trả. Nay vợ chồng T – M khởi kiện yêu cầu vợ chồng Th- T trả cho ông bà số tiền 119.040.000đ, trong đó 108.000.000đ nợ gốc và 11.040.000đ nợ lãi phát sinh.

Tại bản tự khai đồng bị đơn bà Ngà Thị Thanh T trình bày: Bà có nợ ông bà T – M số tiền chốt 4 tấn cà phê giá 31.800đ/kg và 31.600đ/kg, tổng tiền 130.000.000đ, bà đã trả cho ông bà T – M 30.000.000đ, còn lại 100.000.000đ bà đồng ý trả nhưng xin được trả dần cho ông bà T – M

Tại bản tự khai của đồng bị đơn ông Đinh Văn T trình bày: Vợ ông có nợ của ông bà T – M 4 tấn cà phê, ông đồng ý trả dần. Trong quá trình mượn thì ông không biết nhưng ông vẫn đồng ý trả cho ông bà T – M.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Nhữ Quốc T trình bày xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đinh Văn T bà Ngà Thị Thanh T phải trả cho vợ chồng ông số tiền là 96.900.000đồng tiền nợ mua bán cà phê và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn vợ chồng ông Đinh Văn T bà Ngà Thị Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện ông Nhữ Quốc T, bà Hoàng Thị M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đinh Văn T bà Ngà Thị Thanh T trả nợ nhưng ông Đinh Văn T ủy quyền cho bà Ngà Thị Thanh T và bà Th vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vợ chồng bà Ngà Thị Thanh T, ông Đinh Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông T ủy quyền cho bà Th tham gia tố tụng, bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xuất phát từ việc bà Ngà Thị Thanh T có chốt nợ với ông bà Nhữ Quốc T – Hoàng Thị M 04 tấn cà phê nhân khô với tổng số tiền là 126.900.000đ, ông T, bà Th đã trả được 30.000.000đ, hiện còn nợ lại tiền gốc 96.900.000đồng chưa trả. Tại phiên tòa, ông Nhữ Quốc T yêu cầu bà Ngà Thị Thanh T, ông Đinh Văn T trả cho vợ chồng ông số tiền là 96.900.000đồng nợ mua bán cà phê và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tại đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, ông Nhữ Quốc T, bà Hoàng Thị M cung cấp cho Tòa án giấy nhận nợ ngày 28/01/2019 nên Tòa án thụ lý và xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tuy nhiên trong quá trình tố tụng các đương sự đều thừa nhận số tiền nợ xuất phát từ việc chốt cà phê nhân, quá trình Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ thể hiện bà Th có chốt nợ với ông bà Nhữ Quốc T – Hoàng Thị M 03 lần tổng cộng 04 tấn cà phê nhân khô với tổng số tiền là 126.900.000đ và ông Đinh Văn T cũng thừa nhận, đồng ý trả nợ dần cho ông bà T – M tiền nợ chốt cà phê này, nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản giữa nguyên đơn ông Nhữ Quốc T, bà Hoàng Thị M và bị đơn vợ chồng ông Đinh Văn T, bà Ngà Thị Thanh T. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào giấy nhận chốt cà phê lập ngày 21/12/2018 và ngày 25/12/2018 có nội dung bà Ngà Thị Thanh T có chốt nợ cà phê với ông bà Nhữ Quốc T, Hoàng Thị M 03 lần, tổng cộng 04 tấn cà phê nhân

khô với tổng số tiền là 126.900.000đồng, bà Th có ký xác nhận nợ, đây là quan hệ mua bán tài sản được xác lập theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

Xét yêu cầu của ông Nhữ Quốc T, bà Hoàng Thị M, yêu cầu vợ chồng ông Đinh Văn T, bà Ngà Thị Thanh T trả nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa bà Ngà Thị Thanh T và vợ chồng ông Nhữ Quốc T, bà Hoàng Thị M có quan hệ mua bán tài sản, theo đó bà Th chốt cà phê nhân khô cho ông T, bà M 03 lần vào ngày 21/12/2018, ngày 21/12/2018, ngày 25/12/2018. Tổng cộng ba lần chốt cà phê với số tiền là 126.900.000đồng. Do bà Th vi phạm nghĩa vụ giao cà phê cho ông T, bà M nên ngày 05/01/2019 bà Th viết giấy nhận nợ với số tiền 138.000.000đồng. Bà Th ông T đã trả cho ông bà 30.000.000đồng vào ngày 10/6/2019. Vợ chồng T – M khởi kiện yêu cầu vợ chồng Th- T trả cho ông bà số tiền 119.040.000đ, trong đó 108.000.000đ nợ gốc và 11.040.000đ nợ lãi phát sinh. Bị đơn bà Ngà Thị Thanh T thừa nhận có mua bán cà phê với ông bà Nhữ Quốc T – Hoàng Thị M và bà Th, ông T đã trả ông bà Nhữ Quốc T – Hoàng Thị M số tiền 30.000.000 đồng vào ngày10/6/2019, số tiền còn lại hẹn ngày 28/5/2019 âm lịch, tức ngày 30/6/2019 trả đủ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền còn lại. Tuy nhiên theo giấy chốt nợ ngày 28/01/2018 số tiền hai bên chốt là 138.000.000đồng nhưng trong 03 lần giao dịch mua bán cụ thể vào các ngày 21/12/2018, bà Th đến chốt 2000kg cà phê nhân khô với giá 31.800đ/kg, thành tiền 63.600.000đ; Ngày 21/12/2018 bà Th đến chốt 1000kg cà phê nhân khô với giá 31.800đ/kg, thành tiền 31.800.000đ; Ngày 25/12/2018 bà Th đến chốt 1000kg cà phê nhân khô với giá 31.500đ/kg, thành tiền 31.500.000đ. Tổng cộng là 126.900.000đồng và các bên đương sự đều thừa nhận nên Hội đồng xét xử xác định giá trị mua bán cà phê thực tế của các bên là 126.900.000đồng, trừ khoản tiền bà Th, ông T đã trả 30.000.000đồng và tại phiên tòa, ông T – đại diện nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà Th, ông T trả cho vợ chồng ông 96.900.000đ nợ gốc và lãi suất theo quy định từ ngày 05/01/2019 cho đến nay, nên buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn lại là 96.900.000đồng là phù hợp. Đối với yêu cầu tính lãi suất, Tòa án thấy rằng: Do các bên mua bán không thỏa thuận lãi suất, bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng nên bà Th phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và các đương sự thỏa thuận thời hạn hẹn trả cà phê vào ngày 05/01/2019 trả đủ, tuy nhiên bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả cà phê nên bà Th phải chịu lãi suất trên tiền gốc đã nhận tính từ ngày 05/01/2019 đến thời điểm xét xử theo mức lãi suất cơ bản tại thời điểm vi phạm nghĩa vụ, được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 thì mức lãi suất cơ bản là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng). Như vậy, bà Th phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại theo lãi suất trên tiền gốc đã nhận cho vợ chồng ông T, bà M từ ngày 05/01/2019 đến ngày 07/10/2019 là 8.578.548đồng = (126.900.000đ x 0,83% x 05tháng 05 ngày + 96.900.000đ x

0,83% x 03 tháng 27 ngày).

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Tuy ông T không ký nhận nợ nhưng quá trình tố tụng ông T thừa nhận số nợ trên; Thực tế ông T, bà Th đã trả cho ông T, bà M 30.000.000đồng và hẹn trả dần. Do đó căn cứ vào Điều 37 Luật hôn nhân gia đình, Điều 288 Bộ luật Dân sự 2015 thì ông T, bà Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông T, bà M số tiền trên.

[5] Đối với giấy xác nhận nợ ngày 28/01/2019, vợ chồng Th T xác nhận tổng nợ 138.000.000đ và thỏa thuận lãi suất 1,5% với vợ chồng ông T, bà M đây là hợp đồng giả cách từ việc mua bán cà phê giữa 02 bên thành giấy nhận nợ vay tiền, là hợp đồng vi phạm pháp luật và hai bên không giao nhận tài sản gì của nhau nên không xem xét.

[6] Từ những phân tích, đánh giá như nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Đinh Văn T, bà Ngà Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nhữ Quốc T – Hoàng Thị M số tiền 105.478.547đồng (Một trăm lẻ năm triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm bốn mươi bảy đồng) (Trong đó nợ gốc 96.900.000đồng và 8.578.547đồng lãi suất)

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng ông Đinh Văn T, bà Ngà Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Nhữ Quốc T, bà Hoàng Thị M được hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 288, Điều 430, Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Luật hôn nhân gia đình

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nhữ Quốc T, bà Hoàng Thị M đối với vợ chồng ông Đinh Văn T, bà Ngà Thị Thanh T

Buộc vợ chồng ông Đinh Văn T, bà Ngà Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Nhữ Quốc T, bà Hoàng Thị M số tiền 105.478.547đồng (Một trăm lẻ năm triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm bốn mươi bảy đồng) (Trong đó nợ gốc 96.900.000đồng và 8.578.547đồng lãi suất).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Đinh Văn T, bà Ngà Thị Thanh T phải chịu 5.273.927đồng (Năm triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn chín trăm hai mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nhữ Quốc T, bà Hoàng Thị M 2.975.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001298 ngày 08/7/2019 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

3.Về quyền kháng cáo:Nguyên đoncó quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/10/2019)để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- Phòng GĐKT – TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thanh Vũ**

-